

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 03 /2022/HS-ST
Ngày : 05/01/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa:* Ông Nguyễn Triều Châu.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đậu Thị Mỹ Long- Hiệu trưởng trường tiểu học An Hòa, thành phố Biên Hòa và bà Nguyễn Thị Kim Chi.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Anh Thư - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Biên Hòa.
- *Đại diện VKSND Thành phố Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Đình Cảnh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 04, ngày 05 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở TAND Thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 434/2021/ TLST-HS ngày 27/7/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 535/2021/QĐXXST-HS ngày 19 /11/2021 với các bị cáo:

1. Phạm Văn T, sinh ngày 12/11/ 2002 tại tỉnh Đ. Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: 73, tổ 37, khu phố 3, phường L, thành phố B, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn T (còn sống) và bà Nguyễn Thị H(Còn sống); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 6712 ngày 30/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, có mặt.

2. Hoàng Văn Q, sinh năm 1997 tại thành phố H. Hộ khẩu thường trú: Thôn An Mỹ, xã Thượng Vực, huyện C, thành phố H; Nơi cư trú: tổ 36, khu phố 3, phường L, thành phố B, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng Văn B(còn sống) và bà Nguyễn Thị O (Còn sống); Có vợ: Nguyễn Thị Kiều D, có 01 con sinh năm 2020; Tiền án: Ngày 15/12/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 02 năm 02 tháng tù về tội “ Gây rối trật tự công cộng”. Ngày 26/4/2019 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 17/9/2015 tại bản án số 549 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 03 tháng tù về tội

“Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đang bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 6713 ngày 30/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, có mặt.

3. Đinh Thiện K, sinh ngày 02/04/ 2000 tại thành phố H. Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: tổ 3, khu phố 7, phường L, thành phố B, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đinh Công N (còn sống) và bà Đặng Thị X (Còn sống); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2020 đến ngày 16/4/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giam. Bị cáo đang bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 6714 ngày 30/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, có mặt.

4. Nguyễn Thế A, sinh ngày 02/01/2004 tại tỉnh Đ. Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: 61, tổ 37, khu phố 3, phường B, thành phố B, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T (còn sống) và bà Vũ Thị H (Còn sống); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 6715 ngày 30/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, có mặt.

5. Nguyễn Văn M, sinh năm 1999 tại thành phố H. Hộ khẩu thường trú: 156, tổ 36, khu phố 3, phường B, thành phố B, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Không rõ tên cha và bà Nguyễn Thị X (Còn sống); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 14/6/2021, chuyển tạm giam theo lệnh số 805 ngày 16/06/2021 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, có đơn xin vắng mặt.

6. Lê Khắc Tr, sinh ngày 26/7/ 2002 tại tỉnh Đ. Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Khu phố Vườn Dừa, phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Khắc N (còn sống) và bà Trần Thị T (Còn sống); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 6718 ngày 30/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, có mặt.

7. Lê A T, sinh ngày 07/6/ 2003 tại tỉnh H. Hộ khẩu thường trú: Tổ 17, khu phố 5, phường B, thành phố B, tỉnh Đ; Nơi cư trú: Tổ 24, khu phố Vườn Dừa, phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê A (còn sống) và bà Phạm Thị V (Còn sống); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 6716 ngày 30/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, có mặt.

8. Trần Tiến A, sinh ngày 04/6/ 2002 tại thành phố H. Hộ khẩu thường trú: Thôn Thượng Quát, xã H, huyện M, thành phố H; Nơi cư trú: Tổ 29, khu phố 3, phường B Tân, thành phố B, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn K (còn sống) và bà Nguyễn Thị X (Còn sống); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 6720 ngày 30/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, có mặt.

9. Trần Văn H1, sinh ngày 09/01/ 2000 tại tỉnh C. Hộ khẩu thường trú: ấp Đá Bạc, xã Khánh Bình Tây, huyện T, tỉnh C; Nơi cư trú: tổ 9, khu phố 3, phường B, thành phố B, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn Q (còn sống) và bà Phạm Thị H(Còn sống); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2020 đến ngày 16/4/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giam. Bị cáo đang bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 6717 ngày 30/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, có mặt.

10. Phan Văn P, sinh năm 1998 tại tỉnh A. Hộ khẩu thường trú: Không; Nơi cư trú: Khu phố 3, phường A, thành phố B, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phan Văn M (chết) và bà Mai Thị Kim L (Còn sống); Tiền án: 15/12/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “ Gây rối trật tự công cộng”, chấp hành xong hình phạt ngày 12/8/2018; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt ngày 22/6/2021 theo lệnh bắt bị can để tạm giam số 792 ngày 22/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, có mặt.

11. Nguyễn Thị Đ, sinh ngày 27/12/ 2000 tại tỉnh Đ. Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 54, tổ 36, khu phố 3, phường L, thành phố B, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Không rõ tên cha và bà Nguyễn Thị H (Còn sống); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 6719 ngày 30/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, có mặt.

* Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Thế A: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1977. Trú tại: 61, tổ 37, khu phố 3, phường Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai, có mặt.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1982. Trú tại: Tổ 29, khu phố 3, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (bà Hằng là mẹ ruột của bị cáo Tiến A).

+ Ông Lê Khắc N, sinh năm 1961. Trú tại: 16/11, khu phố Long Diêm, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (ông Nghè là cha ruột của bị cáo Tr).

+ Ông Phạm Văn T, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1984. Cùng trú tại: 73, Tổ 37, khu phố 3, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (cha mẹ ruột của bị cáo Phạm Văn T).

+ Bà Phạm Thị Vân, sinh năm 1977. Trú tại: Khu phố 5, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (bà Vân là mẹ ruột bị cáo T).

* Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thế A, Lê A T: Luật sư Phạm Văn Đức-Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai.

* Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T: Luật sư Nguyễn Vũ Diễm -Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí M.

* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Đ: Luật sư Võ Văn Dũng - Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí M.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua quá trình điều tra, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua mạng xã hội Facebook Phạm Văn T quen biết và thường xuyên nhắn tin với chị Tống Thị Hồng Z (Bạn gái của Nguyễn Đức A). Biết T thường xuyên nhắn tin với chị Z nên Đức A đã tìm đến nhà của T để nói chuyện nhưng không gặp. Khi biết Đức A tìm đến nhà, T nghĩ rằng Đức A tìm đến để đánh T, nên T kể lại cho Hoàng Văn Q, Nguyễn Thế A, Trần Tiên A và Trần Tuấn H1 (sinh năm 2004) nghe và nhờ đi đánh Đức A giúp T thì Q, Thế A, Tiên A, Tuấn H1 đồng ý. Do thấy lực lượng ít nên T rủ thêm Nguyễn Văn M rồi nhờ Q và những người trong nhóm gọi thêm người giúp T đánh Đức A. Q rủ thêm Đinh Thiện K, Phan Văn P và Nguyễn Thị Đ thì K, P, Đ đồng ý. Tuấn H1 rủ thêm Lê A T và Lê Khắc Tr thì T và Tr đồng ý. Sau khi đồng ý tham gia cùng nhóm của Q thì K rủ thêm Trần Văn H1 tham gia giúp T đánh nhóm Đức A thì Văn H1 cũng đồng ý tham gia.

Khoảng 15 giờ ngày 06/4/2020, T gọi cho Đức A qua ứng dụng Facebook và hẹn đánh nhau với nhóm Đức A vào lúc 19 giờ 30 cùng ngày tại khu tái định cư Cường Thuận thuộc phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa. Do không có hung khí để đánh nhau nên T nhờ Q chuẩn bị hung khí. Sau đó Q nhờ K chỉ chỗ mua hung khí cho cả nhóm. Q nhờ Tuấn H1 và Thế A đến đón K, Tuấn H1 điều khiển xe mô tô biển số 60F1-139.49 (xe của T) chở Thế A và K đi mua hung khí tại chợ Tân Mai thuộc Phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa. Thế A bỏ ra 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) để mua 04 con dao quắm có cán bằng gỗ dài 90cm mang về phòng trọ của Nguyễn Văn M tại khu phố 3, phường Long Bình Tân cất giữ. Sau đó T đưa cho Tuấn H1 01 gậy bóng chày dài khoảng 80cm, Tuấn H1 mang gậy bóng chày cùng

với 01 con dao tự chế bằng kim loại dài 65cm và 01 cây dao phóng lợn (lưỡi dao bầu dài khoảng 25cm gắn cán bằng ống tuýp dài 190cm) đến cất giấu tại phòng trọ của M.

Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, T mang theo 01 dao Thái Lan, K mang theo 01 dao mã tấu dài khoảng 65cm, Tuấn H1 đem số hung khí cất giấu tại phòng trọ của M nêu trên vào bao rồi cùng cả nhóm tập hợp tại bãi đất trống thuộc khu phố 3, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa (gần phòng trọ của M) để phân phát hung khí cho những người trong nhóm. Sau khi chia hung khí, do sợ đi trên đường bị Công an phát hiện nên cả nhóm thống nhất gom hung khí lại, khi nào đến cổng Câu lạc bộ xA thuộc khu phố Vườn Dừa, phường Phước Tân thì phát hung khí. Khi Q chuẩn bị đến địa điểm tập trung thì nhận được điện thoại của người tên Đức (trong nhóm Đức A) đề nghị hòa giải giữa hai nhóm. Lúc này, Nguyễn Thị Kiều D (Vợ của Q) biết chuyện Q đi đánh nhau, nên can ngăn và đòi đi theo để can ngăn không cho Q đánh nhau.

Khoảng 19 giờ 15 phút cùng ngày, tại cổng Câu lạc bộ xA, Q nói cho cả nhóm biết việc đề nghị hòa giải từ nhóm Đức A. Khi thấy Q có ý định hòa giải thì K phản ứng và không đồng ý với việc hòa giải. Lúc này Q và mọi người trong nhóm đồng ý với ý kiến của K là tiếp tục đi tìm đánh nhóm Đức A. Sau đó cả nhóm phân chia hung khí, tập hợp chờ nhau bằng xe mô tô đi vào khu tái định cư Cường Thuận thuộc phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa để tìm đánh nhóm Đức A Cụ thể:

- T điều khiển xe mô tô biển số 60F1-134.49 chở Tiến A ngồi sau cầm dao 01 con dao quắm có cán bằng gỗ dài 90cm.

- M cầm gậy bóng chày dài khoảng 80cm điều khiển xe Honda Click (không rõ biển số) chở K ngồi sau cầm 01 dao mã tấu dài khoảng 65cm (Do K mang theo từ ở nhà).

- T cất giấu dao Thái Lan dài khoảng 20cm trong người điều khiển xe mô tô biển số 60FA-065.49 chở Thế A cầm 01 dao quắm có cán bằng gỗ dài 90cm ngồi sau.

- Tuấn H1 điều khiển xe mô tô biển số 60M3-6441 chở Tr cầm theo dao quắm có cán bằng gỗ dài 90cm, 01 cây dao phóng lợn, 01 dao mã tấu dài khoảng 65cm.

- Q điều khiển xe mô tô Sirius (không rõ biển số) chở P và Trần Văn H1.

Do Diễm đang mang bầu và không đồng ý với việc Q tham gia đánh nhau nên Q nói Diễm lên xe Honda Vision (không rõ biển số) do Đ điều khiển. Quá trình di chuyển trên đường Tuấn H1 làm thất lạc mất 01 con dao quắm có cán bằng gỗ dài 90cm.

Khoảng 20 giờ cùng ngày, khi cả nhóm Q đang đi lòng vòng trong khu tái định cư để tìm đánh nhóm Đức A, Tuấn H1 chở Tr đi trước la lên “Có Công an”. Lúc này những người còn lại trong nhóm thấy có người đuổi theo Tr và Tuấn H1, nên cả nhóm bỏ chạy theo nhiều hướng khác nhau. Tuấn H1 bỏ chạy đến khu vực đường Bùi Văn Hòa thuộc tổ 39, khu phố 3, phường Long Bình Tân thì bị tổ tuần tra Công an phường Long Bình Tân bắt đưa về làm việc, Tr chạy thoát. Lê A T, Đinh Thiện

K và Trần Văn H1 bị Công an phường Phước Tân phát hiện mời về làm việc còn lại những người trong nhóm chạy thoát. Sau đó, Q, Tr, Đ, Thế A, Tiến A, P, T đến Công an thành phố Biên Hòa trình diện. Ngày 09/4/2020, Nguyễn Thị Đ, Phạm Văn T, Phan Văn P đến Công an thành phố Biên Hòa đầu thú. Nguyễn Văn M bỏ trốn bị truy nã, đến ngày 14/6/2021, M đến Công an phường Long Bình Tân đầu thú.

Quá trình điều tra, Hoàng Văn Q, Nguyễn Thế A, Trần Tiến A, Phan Văn P, Nguyễn Thị Đ, Lê A T, Lê Khắc Tr, Đinh Thiện K, Trần Văn H1, Phạm Văn T, Nguyễn Văn M khai nhận hành vi phạm tội như trên (Lời khai thể hiện tại các bút lục số: 139-148, 158-172, 179-194, 201-211, 376-388, 41-419, 432-440, 447-455, 463-470, 479-490, 494-496); Lời khai nhân chứng, bút lục số: (217-227, 230-244).

- Vật chứng của vụ án:

+ 01 (Một) con dao tự chế bằng kim loại dài 65cm, lưỡi rộng 04cm, phần cán được quấn bằng dây dù; 01 (Một) con dao quắm có cán bằng gỗ dài 90cm; 01 (Một) cây dao phóng lợn (lưỡi dao bầu dài khoảng 25cm gắn cán bằng ống tuýp dài 190cm) thu giữ của Trần Tuấn H1.

+ 01 (Một) con dao Thái Lan dài khoảng 20cm, lưỡi rộng 2cm, mũi nhọn thu giữ của Lê A T.

+ Đối với các hung khí gồm: 01 gậy bóng chày dài khoảng 80cm do M sử dụng; 01 dao mã tấu dài khoảng 65cm do K sử dụng, 02 (Hai) con dao quắm dài khoảng 90cm, cán bằng gỗ do Thế A và Tiến A sử dụng khi bỏ chạy. M, Thế A, K, Tiến A đã vứt bỏ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được.

+ Đối với 01 (Một) con dao quắm dài khoảng 90cm, cán bằng gỗ khi cả nhóm phân phát hung khí nhưng do sợ đi đường Công an phát hiện cả nhóm tập hợp lại đưa cho Tuấn H1 cầm trên đường đi đã thất lạc.

+ 04 (Bốn) điện thoại di động các bị can sử dụng vào việc phạm tội gồm: 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO màu đỏ, số I mei: 869686032440014 của Hoàng Văn Q; 01 (Một) điện thoại di động hiệu Vivo, số Imei1: 860737046265274, Imei2: 860737046265266 của Đinh Thiện K; 01 (Một) điện thoại hiệu Nokia số Imei: 356033031103295 của Phạm Văn T; 01 (Một) điện thoại hiệu HTC màu đỏ đen số Imei: 357871056961645 của Phan Văn P.

+ 01 (Một) xe mô tô biển số 60M3-6441 là tài sản của bà Phạm Thị Hòa (mẹ của Trần Văn H1), bà Hòa để xe ở nhà H1 tự ý lấy xe đi và 01 (Một) xe mô tô biển số 60F1-134.49 của bà Nguyễn Thị Hương cho Phạm Văn T mượn sử dụng. Bà Hòa, bà Hương không biết việc H1 và T sử dụng xe vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại cho các chủ sở hữu.

+ 01 (Một) xe 60FA-065.49 là tài sản của bà Phạm Thị Vân (mẹ của Lê A T) cho T mượn đi chơi. Bà Vân không biết T sử dụng xe vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ.

+ Đối với xe mô tô (không rõ biển số) do M sử dụng M đã bán cho người không rõ lai lịch trong khi bỏ trốn nên Cơ quan điều tra không thu giữ được (Bút lục số: 496). Xe mô tô Honda hiệu Vision (không rõ biển số) do Đ sử dụng, Đ mượn của

bạn tên Bé My, sau khi sự việc xảy ra Đ đã trả lại cho My (Bút lục số: 455). Xe mô tô hiệu Sirius (không rõ biển số) do Q sử dụng, là xe của chị Hoàng Thị Hà – sinh năm 1990 (là chị họ của Q) mượn của người bạn tên Long quê Đồng Tháp (không rõ địa chỉ cụ thể). Chị Hà cho Q mượn đi công việc, sau đó chị Hà đã trả xe cho Long (Bút lục số: 31, 68-71, 120-121, 182-185).

* Tại bản kết luận giám định số 2099/C09B ngày 14/4/2020 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí M kết luận: 01 dao quắm có cán bằng gỗ dài 90cm, 01 dao mã tấu dài 65cm, 01 tuýp sắt dài 190cm ở đầu có gắn một dao phóng lộn, 01 dao Thái Lan dài 20cm thu giữ gửi đến giám định: Là vũ khí thô sơ. Khi tác động vào cơ thể người có thể gây thương vong (Bút lục số: 65).

* Tại bản kết luận giám định số 0624/ĐT/2020 ngày 24/07/2020 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Đồng Nai kết luận độ tuổi của Lê A T là 17 tuổi (+/-06 tháng kể từ ngày giám định 23/7/2020) - (Bút lục số: 67-68).

* Tại bản kết luận giám định số 1224/ĐT/2020 ngày 04/01/2021 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Đồng Nai kết luận độ tuổi của Trần Tuấn H1 là 17 tuổi (+/-06 tháng kể từ ngày giám định 31/12/2020) - (Bút lục số: 73-77).

Tại cáo trạng số 447/CT-VKSBH ngày 23/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố các bị cáo Phạm Văn T, Hoàng Văn Q, Đinh Thiện K, Nguyễn Thế A, Nguyễn Văn M, Lê Khắc Tr, Lê A T, Trần Tiến A, Trần Văn H1, Phan Văn P và Nguyễn Thị Đ về tội “ Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 6 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo Nguyễn Văn M có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vì lý do dịch bệnh Covid diễn biến phức tạp. Bị cáo đồng ý với việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa và không có ý kiến gì về việc truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo Phạm Văn T, Hoàng Văn Q, Đinh Thiện K, Nguyễn Thế A, Lê Khắc Tr, Lê A T, Trần Tiến A, Trần Văn H1, Phan Văn P và Nguyễn Thị Đ đồng ý với bản cáo trạng Viện kiểm sát truy tố, các bị cáo không có ý kiến gì về bản cáo trạng.

Tại phần trả tụng bị cáo Nguyễn Thị Đ khai là được bị cáo Hoàng Văn Q rủ đi xem đánh nhau chứ mục đích của bị cáo không tham gia đánh nhau cùng với nhóm của Đức A. Bị cáo thừa nhận việc ghi lời khai tại cơ quan điều tra diễn ra một cách vô tư, khách quan; không bị ép cung, mớm cung, đánh đập.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên các bị cáo Phạm Văn T, Hoàng Văn Q, Đinh Thiện K, Nguyễn Thế A, Nguyễn Văn M, Lê Khắc Tr, Lê A T, Trần Tiến A, Trần Văn H1, Phan Văn P và Nguyễn Thị Đ về tội “ Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 6 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xét về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Hoàng Văn Q và Phan Văn P có tiền án chưa được xóa án tích, phạm tội thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Xét về vai trò của từng bị cáo:

+ Bị cáo Phạm Văn T là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo Q, Thế A, Tiến A, Nguyễn Văn M; Chuẩn bị hung khí và chuẩn bị phạm tội cố ý gây thương tích.

+ Bị cáo Hoàng Văn Q là người rủ rê các bị cáo Đình Thiện K, Phan Văn P và Nguyễn Thị Đ; Chuẩn bị hung khí và chuẩn bị phạm tội cố ý gây thương tích.

+ Bị cáo Đình Thiện K là người rủ rê bị cáo Trần Văn H1; Chuẩn bị hung khí và chuẩn bị phạm tội cố ý gây thương tích.

+ Các bị cáo Nguyễn Thế A, Lê A T, Lê Khắc Tr, Trần Tiến A, Nguyễn Văn M, Trần Văn H1 là những người chuẩn bị hung khí và chuẩn bị phạm tội cố ý gây thương tích.

+ Các bị cáo Phan Văn P, Nguyễn Thị Đ là những người giúp sức về mặt tinh thần và chuẩn bị phạm tội cố ý gây thương tích.

- Xét về các tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị cáo Phạm Văn T, Đình Thiện K, Trần Văn H1, Lê Khắc Tr, Lê A T, Trần Tiến A, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thế A, Nguyễn Thị Đ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Các bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị Đ, Phạm Văn T và Phan Văn P tự giác ra đầu thú nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đối với các bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Thế A, Lê Khắc Tr, Trần Tiến A, Lê A T khi thực hiện hành vi phạm tội là những người dưới 18 tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại chương XII của Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Về mức hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt:

+ Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 06 đến 10 tháng tù;

+ Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Q từ 10 đến 14 tháng tù;

+ Xử phạt bị cáo Đình Thiện K từ 10 đến 14 tháng tù;

+ Xử phạt bị cáo Trần Văn H1 từ 06 đến 08 tháng tù;

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M bằng thời gian tạm giữ tạm giam đến 08 tháng tù;

+ Xử phạt bị cáo Phan Văn P bằng thời gian tạm giam tạm giữ đến 08 tháng tù;

+ Xử phạt các bị cáo Nguyễn Thế A, Lê A T, Lê Khắc Tr và Trần Tiến A mỗi bị cáo từ 04 đến 06 tháng tù.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ từ 06 đến 08 tháng cải tạo không giam giữ.

- Về các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) con dao tự chế bằng kim loại dài 65cm, lưỡi rộng 04cm, phần cán được quấn bằng dây dù; 01 (Một) con dao quắm có cán bằng gỗ dài 90cm; 01 (Một) con dao bầu dài khoảng 25cm gắn cán bằng ống tuýp dài 190cm thu giữ của Trần Tuấn H1 và 01 (Một) con dao Thái dài khoảng 20cm, lưỡi rộng 2cm, mũi nhọn thu giữ của Lê A T.

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước: 04 (Bốn) điện thoại di động các bị can sử dụng vào việc phạm tội gồm: 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO màu đỏ, số I mei: 869686032440014 của Hoàng Văn Q; 01 (Một) điện thoại di động hiệu Vivo, số Imei1: 860737046265274, Imei2: 860737046265266 của Đinh Thiện K; 01 (Một) điện thoại hiệu Nokia số Imei: 356033031103295 của Phạm Văn T; 01 (Một) điện thoại hiệu HTC màu đỏ đen số Imei: 357871056961645 của Phan Văn P.

- Đối với Nguyễn Thị Kiều Diễm có đi theo các bị cáo nhưng có hành động can ngăn nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không xử lý.

- Đối với Trần Tuấn H1 có hành vi chuẩn bị cố ý gây thương tích nhưng tại thời điểm phạm tội Trần Tuấn H1 chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý.

* Tại phiên tòa Luật sư Phạm Văn Đức người bào chữa cho bị cáo vị thành niên là Nguyễn Thế A và Lê A T trình bày: Luật sư thống nhất với việc truy tố của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đối với các bị cáo. Viện kiểm sát truy tố đúng người, đúng tội. Tuy nhiên khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là vị thành niên, bị rủ rê, lôi kéo nên đề nghị Hội đồng xét xử mức án thấp nhất cho các bị cáo.

* Tại phiên tòa Luật sư Nguyễn Vũ Diễm bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T trình bày: Luật sư thống nhất với việc truy tố của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đối với bị cáo. Viện kiểm sát truy tố đúng người, đúng tội. Tuy nhiên nguyên nhân xảy ra vụ án là do ghen tuông. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là vị thành niên, tâm sinh lý chưa ổn định; Gia đình bị cáo có công với cách mạng; Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và đang theo học trường nghề nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo để tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa sai lầm. Mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị là quá nghiêm khắc đối với bị cáo T.

* Tại phiên tòa Luật sư Võ Văn Dũng bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Đ trình bày quan điểm: Luật sư không đồng ý với việc truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo vì hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Đ chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 6 Điều 134 của Bộ luật hình sự. Lời khai của bị cáo Đ tại phiên tòa mới là sự thật khách quan vì bị cáo khai là chỉ đi xem chứ không có mục đích đi đánh nhau. Bị cáo cũng không chuẩn bị hung khí và tại cơ quan Điều

tra bị cáo chép lại bản tự khai các bị cáo khác. Hành vi của bị cáo chỉ bị xử lý vi phạm hành chính. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về lời trình bày của các luật sư: Luật sư bào chữa cho các bị cáo T, Thế A và T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Riêng đối với Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Đ cho rằng bị cáo chưa đủ yếu tố cấu thành tội “ Cố ý gây thương tích” là không có cơ sở. Vì bị cáo trực tiếp đến cơ quan công an đầu thú có đủ khả năng nhận thức khi làm bản tự khai. Bị cáo không bị ép cung khi cán bộ điều tra ghi lời khai. Tại phiên Tòa bị cáo cũng thừa nhận là việc ghi lời khai diễn ra vô tư, khách quan nên Luật sư cho rằng bị cáo chưa đủ yếu tố cấu thành tội “ Cố ý gây thương tích” theo khoản 6 Điều 134 của Bộ luật hình sự là không có cơ sở.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra công khai và kết quả tra luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, ý kiến của Luật sư, các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua quá trình điều tra và kết quả tra luận tại phiên tòa, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả giám định và các chứng cứ khác, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo vị thành niên và Luật sư không khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của bị cáo Nguyễn Văn M tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Văn M đã làm đơn xin vắng mặt, có xác nhận của Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa. Do tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các bị cáo.

[3] Thực tế có cơ sở chứng M, Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 06/4/2020, do mâu thuẫn với Nguyễn Đức A nên Phạm Văn T cùng Hoàng Văn Q, Nguyễn Thế A, Trần Tiến A, Phan Văn P, Nguyễn Thị Đ, Lê A T, Lê Khắc Tr, Đinh Thiện K, Trần Văn H1, Nguyễn Văn M, Trần Tuấn H1 (15 tuổi 3 tháng 11 ngày) tập hợp lực lượng, chuẩn bị hung khí gồm: 04 con dao quắm có cán bằng gỗ dài 90cm, cán bằng gỗ; 02 con dao tự chế bằng kim loại dài 65cm; 01 cây dao phóng lợn (lưỡi dao bầu dài

khoảng 25cm gắn cán bằng ống tuýp dài 190cm), 01 gậy bóng chày dài khoảng 80cm, 01 con dao Thái Lan dài 20cm để tham gia đánh nhau nhằm gây thương tích cho nhóm của Đức A thì bị tổ tuần tra Công an phường Long Bình Tân và Công an phường Phước Tân phát hiện xử lý. Hành vi của bị cáo Phạm Văn T và đồng phạm đã có sự chuẩn bị hung khí nhằm mục đích gây thương tích cho nhóm của Đức A. Các bị cáo khác khi được T rủ rê và biết rõ mục đích đánh nhau nhưng vẫn đồng ý tham gia. Hậu quả không xảy ra là ngoài ý muốn khi bị lực lượng chức năng can thiệp, xử lý kịp thời. Từ những chứng cứ nêu trên có cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Phạm Văn T, Hoàng Văn Q, Nguyễn Thế A, Trần Tiến A, Phan Văn P, Nguyễn Thị Đ, Lê A T, Lê Khắc Tr, Đinh Thiện K, Trần Văn H1, Nguyễn Văn M phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 6 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây mất trật tự trị an cho xã hội. Các bị cáo phạm tội mang tính đồng phạm song ở mức độ giản đơn.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa thì thấy:

* Xét về vai trò của từng bị cáo, cụ thể:

+ Bị cáo Phạm Văn T là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo Q, Thế A, Tiến A, Nguyễn Văn M; Chuẩn bị hung khí và chuẩn bị phạm tội cố ý gây thương tích nên bị cáo T có vai trò cao nhất trong vụ án này.

+ Bị cáo Hoàng Văn Q là người rủ rê các bị cáo Đinh Thiện K, Phan Văn P và Nguyễn Thị Đ; Chuẩn bị hung khí và chuẩn bị phạm tội cố ý gây thương tích nên vai trò của bị cáo Q thấp hơn bị cáo T nhưng cao hơn các bị cáo khác.

+ Bị cáo Đinh Thiện K là người rủ rê bị cáo Trần Văn H1 ; Chuẩn bị hung khí và chuẩn bị phạm tội cố ý gây thương tích.

+ Các bị cáo Nguyễn Thế A, Lê A T, Lê Khắc Tr, Trần Tiến A, Nguyễn Văn M, Trần Văn H1 là những người chuẩn bị hung khí và chuẩn bị phạm tội cố ý gây thương tích.

+ Các bị cáo Phan Văn P, Nguyễn Thị Đ là những người giúp sức về mặt tinh thần và chuẩn bị phạm tội cố ý gây thương tích.

* Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phan Văn P và Hoàng Văn Q đã có tiền án, chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý vi phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

* Về các tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị cáo Phạm Văn T, Đinh Thiện K, Trần Văn H1, Lê Khắc Tr, Lê A T, Trần Tiến A, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thế A, Nguyễn Thị Đ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Các bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị Đ, Phan Văn P và Phan Văn P tự giác ra đầu thú nên cần áp dụng các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đối với các bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Thế A, Lê Khắc Tr, Trần Tiến A , Lê A T khi thực hiện hành

vi phạm tội là những người dưới 18 tuổi nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại chương XII của Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

* Về mức hình phạt:

+ Đối với bị cáo Hoàng Văn Q là người có nhân thân xấu và có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo có ý thức T thủ pháp luật.

+ Đối với các bị cáo Nguyễn Văn M và Phan Văn P, xét thấy cần xét xử các bị cáo bằng mức thời gian các bị cáo đã bị tạm giam cũng đủ sức răn đe giáo dục các bị cáo. Trả tự do cho các bị cáo M và P ngay sau khi tuyên án nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

+ Đối với bị cáo Phạm Văn T rủ rê các bị cáo khác tham gia vào việc phạm tội. Xét thấy khi thực hiện hành vi bị cáo là vị thành niên, nhận thức pháp luật còn hạn chế; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Ông của bị cáo là người có công với cách mạng và hiện bị cáo đang theo học tại trường Cao đẳng Công nghệ cao Đồng Nai. Nhằm tạo điều kiện cho bị cáo tiếp tục theo học để trở thành công dân có ích cho xã hội, Hội đồng xét xử không cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để bị cáo có điều kiện tiếp tục theo học và cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Việt Nam. Xét thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên cần xử phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo.

+ Đối với Đinh Thiện K, Trần Văn H1, Lê Khắc Tr, Lê A T, Trần Tiến A, Nguyễn Thế A, Nguyễn Thị Đ là đồng phạm giúp sức, có vai trò không đáng kể, nhận thức pháp luật còn hạn chế và hiện bị cáo T đang là sinh viên trường đại học công nghệ thành phố Hồ Chí Minh; Các bị cáo Nguyễn Thế A, Lê Khắc Tr, Trần Tiến A, Lê A T khi thực hiện hành vi phạm tội là vị thành niên; Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo để tạo điều kiện cho các bị cáo sửa chữa sai lầm.

Do các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn và đang đi học nên khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

- Về các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) con dao tự chế bằng kim loại dài 65cm, lưỡi rộng 04cm, phần cán được quấn bằng dây dù; 01 (Một) con dao quắm có cán bằng gỗ dài 90cm; 01 (Một) con dao bầu dài khoảng 25cm gắn cán bằng ống tuýp dài 190cm thu giữ của Trần Tuấn H1 và 01 (Một) con dao Thái dài khoảng 20cm, lưỡi rộng 2cm, mũi nhọn thu giữ của Lê A T.

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước: 04 (Bốn) điện thoại di động các bị can sử dụng vào việc phạm tội gồm: 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO màu đỏ, số IMEI: 869686032440014 của Hoàng Văn Q; 01 (Một) điện thoại di động hiệu Vivo, số IMEI1: 860737046265274, IMEI2: 860737046265266 của Đinh Thiện K; 01 (Một)

điện thoại hiệu Nokia số Imei: 356033031103295 của Phạm Văn T; 01 (Một) điện thoại hiệu HTC màu đỏ đen số Imei: 357871056961645 của Phan Văn P.

- Đối với Nguyễn Thị Kiều Diễm có đi theo các bị cáo nhưng có hành động can ngăn nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không xử lý.

- Đối với Trần Tuấn H1 có hành vi chuẩn bị cố ý gây thương tích nhưng tại thời điểm phạm tội Trần Tuấn H1 chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý là có căn cứ.

- + Lời bào chữa của Luật sư Đức và Luật sư Diễm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

- + Lời bào chữa của Luật sư Dũng cho bị cáo Nguyễn Thị Đ cho rằng bị cáo chưa đủ yếu tố cấu thành tội “ Cố ý gây thương tích” là không có cơ sở. Vì bị cáo trực tiếp đến cơ quan công an đầu thú có đủ khả năng nhận thức khi làm bản tự khai. Bị cáo không bị ép cung khi cán bộ điều tra ghi lời khai. Tại phiên Tòa bị cáo cũng thừa nhận là việc ghi lời khai diễn ra vô tư, khách quan nên Luật sư cho rằng bị cáo chưa đủ yếu tố cấu thành tội “ Cố ý gây thương tích” theo khoản 6 Điều 134 của Bộ luật hình sự là không có cơ sở. Lời bào chữa của Luật sư cho bị cáo Đ không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 6 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2017):

- Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn Q phạm tội “ Cố ý gây thương tích”.
- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Q 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Căn cứ khoản 6 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2017); Khoản 5 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tuyên bố bị cáo Phan Văn P phạm tội “ Cố ý gây thương tích”.
- Xử phạt bị cáo Phan Văn P 06 (sáu) tháng 14 (mười bốn) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/6/2021.
- Trả tự do cho bị cáo P ngay sau khi tuyên án nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Căn cứ khoản 6 Điều 134; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2017); Khoản 5 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “ Cố ý gây thương tích”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 06 (sáu) tháng 22 (hai mươi hai) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/6/2021.

- Trả tự do cho bị cáo M ngay sau khi tuyên án nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

4. Căn cứ khoản 6 Điều 134; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 90, 91 và Điều 100 (Các điều 90, 91, 100 chỉ áp dụng đối với các bị cáo T, Thế A, Khắc Tr, Tiến A và Lê A T); Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T, Đinh Thiện K, Trần Văn H1, Lê Khắc Tr, Lê A T, Trần Tiến A, Nguyễn Thế A, Nguyễn Thị Đ phạm tội “ Cố ý gây thương tích”.

+ Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt các bị cáo Đinh Thiện K và Trần Văn H1 mỗi bị cáo 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ nhưng trừ đi thời gian các bị cáo K và H1 đã bị tạm giam từ ngày 07/4/2020 đến ngày 16/04/2020 (cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ).

+ Xử phạt các bị cáo Lê Khắc Tr, Lê A T, Trần Tiến A, Nguyễn Thế A mỗi bị cáo 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục các bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã (phường) nơi các bị cáo cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian các bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

5. Về các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) con dao tự chế bằng kim loại dài 65cm, lưỡi rộng 04cm, phần cán được quấn bằng dây dù; 01 (Một) con dao quắm có cán bằng gỗ dài 90cm; 01 (Một) con dao bầu dài khoảng 25cm gấn cán bằng ống tuýp dài 190cm thu giữ của Trần Tuấn H1 và 01 (Một) con dao Thái dài khoảng 20cm, lưỡi rộng 2cm, mũi nhọn thu giữ của Lê A T.

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước: 04 (Bốn) điện thoại di động các bị can sử dụng vào việc phạm tội gồm: 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO màu đỏ, số I mei: 869686032440014 của Hoàng Văn Q; 01 (Một) điện thoại di động hiệu Vivo, số Imei1: 860737046265274, Imei2: 860737046265266 của Đinh Thiện K; 01 (Một) điện thoại hiệu Nokia số Imei: 356033031103295 của Phạm Văn T; 01 (Một) điện thoại hiệu HTC màu đỏ đen số Imei: 357871056961645 của Phan Văn P.

(Vật chứng Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa đang quản lý theo biên bản giao nhận lập ngày 02/12/2021).

6. Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Buộc mỗi bị cáo pH1 nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Người có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Người vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Triều Châu